

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC  
THỦY LỢI MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

|                                      | <b>Trang</b> |
|--------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 02 - 03      |
| Báo cáo kiểm toán độc lập            | 04 - 05      |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  | 06 - 21      |
| Bảng cân đối kế toán                 | 06 - 07      |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 09           |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính        | 10 - 21      |

## **CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **CÔNG TY**

Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Miền Nam (Tên gọi cũ là Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo Quyết định 71/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/01/2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3900242984 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2028, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

Hội đồng thành viên của công ty trong năm và vào ngày lập Báo cáo này bao gồm:

|                     |                 |  |
|---------------------|-----------------|--|
| Ông Tô Văn Thanh    | Chủ tịch HĐQTV  | Thôi giữ chức vụ này theo quyết định điều động số 3318/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/08/2023 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT từ ngày 15/08/2023. |
| Ông Trần Văn Giáp   | Phụ trách HĐQTV | Nhận nhiệm vụ từ ngày 15/08/2023 theo quyết định điều động số 3319/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/08/2023 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT..       |
| Ông Nguyễn Việt Anh | Thành viên      |  |

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

|                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Việt Anh | Tổng Giám đốc     |
| Ông Trần Quang Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Xuân Đại    | Phó Tổng Giám đốc |

#### **KIỂM SOÁT VIÊN VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

|                     |                |
|---------------------|----------------|
| Bà Võ Thị Sừ        | Kiểm soát viên |
| Bà Nguyễn Thị Thắng | Kế toán trưởng |

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Việt Anh**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Số: 190A/2024/BCKiT-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam được lập ngày 22 tháng 04 năm 2024, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo này được phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán số 190/2024/ASEAN/BCKiIT-TC ngày 24 tháng 03 năm 2024 do điều chỉnh một số chỉ tiêu theo Biên bản xét duyệt Quyết toán Ngân sách năm 2023 cho Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền nam của đại diện Bộ nông nghiệp và phát triển Nông thôn ngày 16 tháng 04 năm 2024.



---

**Mai Việt Thắng**

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3421-2020-176-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ASEAN**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2024*

---

**Thái Văn Toàn**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2534-2021-176-1

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | 31/12/2023               | 01/01/2023               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|            |  |             | VND                      | VND                      |
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>137.845.711.454</b>   | <b>78.890.373.799</b>    |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>3</b>    | <b>83.317.768.214</b>    | <b>63.268.321.385</b>    |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 83.317.768.214           | 63.268.321.385           |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>52.520.087.285</b>    | <b>14.926.011.607</b>    |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 4           | 13.558.971.596           | 14.306.972.675           |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          |             | 436.577.738              | 328.818.738              |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 5           | 38.524.274.451           | 289.956.694              |
| 139        | 4. Tài sản thiếu chờ xử lý                   |             | 263.500                  | 263.500                  |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>6</b>    | <b>850.439.039</b>       | <b>649.132.166</b>       |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |             | 850.439.039              | 649.132.166              |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>1.157.416.916</b>     | <b>46.908.641</b>        |
| 152        | 1. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | -                        | 17.423.189               |
| 153        | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 10          | 1.157.416.916            | 29.485.452               |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>6.896.429.039.071</b> | <b>4.402.793.786.591</b> |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>6.896.429.039.071</b> | <b>4.402.793.786.591</b> |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 7           | 6.895.689.513.071        | 4.402.054.260.591        |
| 222        | - Nguyên giá                                 |             | 6.943.229.292.934        | 4.444.248.978.034        |
| 223        | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | (47.539.779.863)         | (42.194.717.443)         |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 8           | 739.526.000              | 739.526.000              |
| 228        | - Nguyên giá                                 |             | 739.526.000              | 739.526.000              |
| 229        | - Giá trị hao mòn lũy kế                     |             | -                        | -                        |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>7.034.274.750.525</b> | <b>4.481.684.160.390</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

| Mã số      | NGUỒN VỐN                              | Thuyết minh | 31/12/2023               | 01/01/2023               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|            |  |             | VND                      | VND                      |
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                  |             | <b>72.202.256.593</b>    | <b>39.040.094.467</b>    |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  |             | <b>71.902.256.593</b>    | <b>38.740.094.467</b>    |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn         | 9           | 36.518.978.272           | 17.507.456.857           |
| 313        | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 10          | 3.444.459.829            | 1.803.898.302            |
| 314        | 3. Phải trả người lao động             |             | 16.767.174.700           | 12.019.389.700           |
| 315        | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn           | 11          | 7.349.247.000            | 1.944.882.000            |
| 318        | 5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn   |             | -                        | 529.265.000              |
| 319        | 6. Phải trả ngắn hạn khác              | 12          | 2.614.468.795            | 586.952.195              |
| 322        | 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi            |             | 5.207.927.997            | 4.348.250.413            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                  |             | <b>300.000.000</b>       | <b>300.000.000</b>       |
| 337        | 1. Phải trả dài hạn khác               | 12          | 300.000.000              | 300.000.000              |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               |             | <b>6.962.072.493.932</b> | <b>4.442.644.065.923</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>13</b>   | <b>6.950.843.020.045</b> | <b>4.438.659.773.833</b> |
| 411        | 1. Vốn góp của chủ sở hữu              |             | 5.993.562.014.501        | 3.493.737.538.601        |
| 418        | 2. Quỹ đầu tư phát triển               |             | 753.891.519              | 753.891.519              |
| 421        | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   |             | 14.848.784.340           | 2.490.014.028            |
| 421b       | LNST chưa phân phối kỳ này             |             | 14.848.784.340           | 2.490.014.028            |
| 422        | 4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản    |             | 941.678.329.685          | 941.678.329.685          |
| <b>430</b> | <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>  |             | <b>11.229.473.887</b>    | <b>3.984.292.090</b>     |
| 431        | 1. Nguồn kinh phí                      |             | 11.229.473.887           | 3.984.292.090            |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>             |             | <b>7.034.274.750.525</b> | <b>4.481.684.160.390</b> |

Người lập



Trần Chu Chiếu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc


  
 Nguyễn Việt Anh



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25,  
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2023              | Năm 2022             |
|-------|--|-------------|-----------------------|----------------------|
|       |  |             | VND                   | VND                  |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 14          | 154.233.462.799       | 122.647.841.724      |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  |             | -                     | -                    |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  |             | 154.233.462.799       | 122.647.841.724      |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                              | 15          | 108.006.588.689       | 76.063.902.780       |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 46.226.874.110        | 46.583.938.944       |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 16          | 553.039.917           | 166.368.494          |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                             |             | -                     | -                    |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | -                     | -                    |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                              |             | -                     | -                    |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 17          | 28.087.587.135        | 38.847.474.374       |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      |             | 18.692.326.892        | 7.902.833.064        |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                | 18          | 17.454.545            | 175.644.916          |
| 32    | 12. Chi phí khác                                 | 19          | 15.159.710            | 3.546.369.312        |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                               |             | 2.294.835             | (3.370.724.396)      |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | 18.694.621.727        | 4.532.108.668        |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20          | 3.741.956.287         | 1.984.280.340        |
| 52    | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  |             | -                     | -                    |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     |             | <b>14.952.665.440</b> | <b>2.547.828.328</b> |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Chu Chử

Nguyễn Thị Thắng

Nguyễn Việt Anh

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số   | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2023              | Năm 2022              |
|---|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
|   |  |             | VND                   | VND                   |
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |  |             |                       |                       |
| 01  | 1. Lợi nhuận trước thuế  |             | 18.694.621.727        | 4.532.108.668         |
|   | 2. Điều chỉnh cho các khoản  |             |                       |                       |
| 02  | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  |             | 5.345.062.420         | 4.872.458.165         |
| 05  | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  |             | (553.039.917)         | (166.368.494)         |
| 08  | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 |             | 23.486.644.230        | 9.238.198.339         |
| 09  | - Tăng, giảm các khoản phải thu  |             | (38.704.583.953)      | 3.887.674.707         |
| 10  | - Tăng, giảm hàng tồn kho  |             | (201.306.873)         | (16.326.271)          |
| 11  | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) |             | 31.033.766.907        | (25.850.618.697)      |
| 15  | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (2.473.238.652)       | (1.149.494.983)       |
| 16  | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  |             | 18.875.677.280        | -                     |
| 17  | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   |             | (10.874.698.999)      | -                     |
| 20  | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  |             | 21.142.259.940        | (13.890.566.905)      |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>    |  |             |                       |                       |
| 21  | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     |             | (2.498.980.314.900)   | (1.506.113.751.685)   |
| 27  | 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   |             | 553.039.917           | 166.368.494           |
| 30  | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  |             | (2.498.427.274.983)   | (1.505.947.383.191)   |
| <b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                       |                       |
| 31  | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                   |             | 2.499.824.475.900     | 1.506.113.751.685     |
| 36  | 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   |             | (2.490.014.028)       | (57.814.300)          |
| 40  | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính   |             | 2.497.334.461.872     | 1.506.055.937.385     |
| 50  | Lưu chuyển tiền thuần trong năm  |             | 20.049.446.829        | (13.782.012.711)      |
| 60  | Tiền và tương đương tiền đầu năm   |             | 63.268.321.385        | 77.050.334.096        |
| 70  | Tiền và tương đương tiền cuối năm  | 3           | <b>83.317.768.214</b> | <b>63.268.321.385</b> |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Trần Chu Châu

Nguyễn Thị Thắng

Nguyễn Việt Anh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2023*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:** Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Hoạt động tưới, tiêu phục vụ trồng trọt);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Khai thác vật liệu xây dựng);
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Vật tư ngành nước);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Dự án quản lý nước);
- Khai thác thủy sản nội địa (Khai thác thủy sản nước ngọt; nuôi trồng thủy sản biển);
- Đại lý du lịch (Bán các sản phẩm du lịch);
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 không bao gồm số liệu kế toán của Ban quản lý dự án xây dựng công trình thủy lợi trực thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam.

### **2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 15 - 45 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 04 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06 năm |

### 2.8 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được hình thành do ngân sách Nhà nước cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

### 2.11 . Doanh thu

Doanh thu hoạt động công ích là số tiền gắn liền với Ngân sách Nhà Nước cấp đã được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**2.12 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.13 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | 31/12/2023            | 01/01/2023            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                 | VND                   | VND                   |
| Tiền mặt                        | 2.240.961.059         | 2.171.315.573         |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 81.076.807.155        | 61.097.005.812        |
|                                 | <b>83.317.768.214</b> | <b>63.268.321.385</b> |

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

|  | 31/12/2023            | 01/01/2023            |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| <b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>                          |                       |                       |
| Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác dịch vụ thủy lợi TP HCM   | 2.542.966.988         | 1.294.783.506         |
| Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh                           | 1.930.371.588         | 1.931.850.000         |
| Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG                                | 1.768.068.000         | 1.485.507.600         |
| Công Ty Cổ Phần Nước Thủ Dầu Một                             | 1.437.599.664         | 988.330.572           |
| Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh                 | 1.383.029.562         | 1.299.825.990         |
| Trung tâm Quản lý Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Long An | 1.016.557.862         | 898.821.809           |
| Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương                 | 1.004.141.124         | 1.025.747.712         |
| Công ty cổ phần Thủy điện Minh Tân                           | 929.841.468           | 1.258.321.253         |
| Công ty cổ phần Phước hoà                                    | 792.343.117           | 2.257.547.175         |
| Nhà máy nước Tân Hiệp - TCT Cấp Nước Sài Gòn                 | 490.909.091           | 1.080.000.000         |
| Các khách hàng khác  | 263.143.132           | 786.237.058           |
|  | <b>13.558.971.596</b> | <b>14.306.972.675</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5 . PHẢI THU KHÁC**

|   | 31/12/2023            |          | 01/01/2023         |          |
|---|-----------------------|----------|--------------------|----------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị            | Dự phòng |
|   | VND                   | VND      | VND                | VND      |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                            |                       |          |                    |          |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội                   | 24.112.906            | -        | -                  | -        |
| Tạm ứng                                       | 402.694.433           | -        | 178.524.803        | -        |
| Phải thu khác                                 | 38.097.467.112        | -        | 111.431.891        | -        |
| - <i>Kinh phí hỗ trợ của NSNN<br/>chờ cấp</i> | 38.000.000.000        | -        | -                  | -        |
| - <i>Phải thu khác</i>                        | 97.467.112            | -        | -                  | -        |
|   | <b>38.524.274.451</b> | <b>-</b> | <b>289.956.694</b> | <b>-</b> |

**6 . HÀNG TỒN KHO**

|                       | 31/12/2023         |          | 01/01/2023         |          |
|-----------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
|                       | Giá gốc            | Dự phòng | Giá gốc            | Dự phòng |
|                       | VND                | VND      | VND                | VND      |
| Nguyên liệu, vật liệu | 850.439.039        | -        | 649.132.166        | -        |
|                       | <b>850.439.039</b> | <b>-</b> | <b>649.132.166</b> | <b>-</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Nhà cửa, vật kiến trúc   | Máy móc, thiết bị      | Phương tiện vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản<br>lý | Cộng                     |
|-------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------|
|                               | VND                      | VND                    | VND                                | VND                          | VND                      |
| <b>Nguyên giá</b>             |                          |                        |                                    |                              |                          |
| Số dư đầu năm                 | 4.395.830.996.009        | 15.627.687.625         | 30.276.481.473                     | 2.513.812.927                | 4.444.248.978.034        |
| - Tăng trong năm              | 2.196.809.053.810        | 295.495.936.318        | 2.232.200.000                      | 4.443.124.772                | 2.498.980.314.900        |
| - Giảm trong năm              | -                        | -                      | -                                  | -                            | -                        |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>6.592.640.049.819</b> | <b>311.123.623.943</b> | <b>32.508.681.473</b>              | <b>6.956.937.699</b>         | <b>6.943.229.292.934</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                          |                        |                                    |                              |                          |
| Số dư đầu năm                 | 22.971.376.510           | 4.751.957.912          | 12.194.078.068                     | 2.277.304.953                | 42.194.717.443           |
| - Khấu hao trong năm          | 1.562.049.307            | 1.276.221.144          | 2.411.701.180                      | 95.090.789                   | 5.345.062.420            |
| - Tăng khác                   | -                        | -                      | -                                  | -                            | -                        |
| - Giảm khác                   | -                        | -                      | -                                  | -                            | -                        |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>24.533.425.817</b>    | <b>6.028.179.056</b>   | <b>14.605.779.248</b>              | <b>2.372.395.742</b>         | <b>47.539.779.863</b>    |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                          |                        |                                    |                              |                          |
| Tại ngày đầu năm              | 4.372.859.619.499        | 10.875.729.713         | 18.082.403.405                     | 236.507.974                  | 4.402.054.260.591        |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>      | <b>6.568.106.624.002</b> | <b>305.095.444.887</b> | <b>17.902.902.225</b>              | <b>4.584.541.957</b>         | <b>6.895.689.513.071</b> |



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Giá trị quyền sử<br>dụng đất<br>VND | <b>Cộng</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                     |                           |
| Số dư đầu năm                 | 739.526.000                         | 739.526.000               |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>739.526.000</b>                  | <b>739.526.000</b>        |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                     |                           |
| Số dư đầu năm                 | -                                   | -                         |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | -                                   | -                         |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                     |                           |
| Tại ngày đầu năm              | 739.526.000                         | 739.526.000               |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>      | <b>739.526.000</b>                  | <b>739.526.000</b>        |

**9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

|   | 31/12/2023            |                          | 01/01/2023            |                          |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
|   | Giá trị               | Số có khả năng<br>trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng<br>trả nợ |
|   | VND                   | VND                      | VND                   | VND                      |
| <b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>             |                       |                          |                       |                          |
| Công ty CP XD Tân Hoàng Minh                      | 3.610.468.000         | 3.610.468.000            | 969.766.000           | 969.766.000              |
| Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển công nghệ Hợp   | 2.436.850.000         | 2.436.850.000            | 1.098.886.000         | 1.098.886.000            |
| Công ty TNHH TM&XD Hoàng Hà                       | 2.302.489.000         | 2.302.489.000            | 568.176.000           | 568.176.000              |
| Công ty TNHH XD Thủy bộ Hoà Bình                  | 2.283.383.000         | 2.283.383.000            | 42.633.000            | 42.633.000               |
| Công ty CP XD Vận Tài 68                          | 2.071.629.400         | 2.071.629.400            | 1.457.504.000         | 1.457.504.000            |
| Công ty TNHH Trương Xuân Liêm                     | 1.926.093.000         | 1.926.093.000            | 1.671.102.100         | 1.671.102.100            |
| Công ty cổ phần tư vấn XD Thủy lợi II             | 1.857.207.500         | 1.857.207.500            | 14.660.500            | 14.660.500               |
| Công ty TNHH Tâm An - TECHCONS                    | 52.880.000            | 52.880.000               | 1.754.710.000         | 1.754.710.000            |
| Công ty CP đầu tư XD Bắc Ninh                     | 1.477.103.535         | 1.477.103.535            | -                     | -                        |
| Công ty TNHH Cơ khí xây lắp và thương mại Duy Kha | 1.459.978.000         | 1.459.978.000            | -                     | -                        |
| Công ty TNHH MTV XD &PT Hạ tầng Mạnh Quang        | 1.448.389.000         | 1.448.389.000            | -                     | -                        |
| Viện thủy lợi & Môi Trường                        | 1.432.550.400         | 1.432.550.400            | 354.144.400           | 354.144.400              |
| Công ty TNHH MTV XD TM Sơn Hải                    | 1.002.737.994         | 1.002.737.994            | -                     | -                        |
| Các đối tượng khác                                | 13.157.219.443        | 13.157.219.443           | 9.575.874.857         | 9.575.874.857            |
|   | <b>36.518.978.272</b> | <b>36.518.978.272</b>    | <b>17.507.456.857</b> | <b>17.507.456.857</b>    |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                             | Số phải thu đầu năm |                      | Số phải nộp đầu năm   |                       | Tăng trong năm        |                      | Giảm trong năm        |                      | Số phải thu cuối năm |                      | Số phải nộp cuối năm |                      |
|-----------------------------|---------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                             | VND                 | VND                  | VND                   | VND                   | VND                   | VND                  | VND                   | VND                  | VND                  | VND                  | VND                  | VND                  |
| Thuế Giá trị gia tăng       | -                   | -                    | -                     | 6.973.342.670         | 8.130.759.586         | 1.157.416.916        | -                     | -                    | -                    | -                    | -                    | -                    |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp  | -                   | 1.773.238.652        | 3.741.956.287         | 215.099.521           | 2.473.238.652         | -                    | 158.536.069           | -                    | -                    | 3.041.956.287        | 27.078.000           | -                    |
| Thuế Thu nhập cá nhân       | 29.485.452          | -                    | 30.659.650            | 4.393.742.822         | 4.048.976.930         | -                    | 187.936.896           | -                    | -                    | 375.425.542          | -                    | -                    |
| Thuế Tài nguyên             | -                   | -                    | -                     | 187.936.896           | 187.936.896           | -                    | 3.000.000             | -                    | -                    | -                    | -                    | -                    |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất | -                   | -                    | -                     | 3.000.000             | 3.000.000             | -                    | -                     | -                    | -                    | -                    | -                    | -                    |
| Các loại thuế khác          | -                   | -                    | -                     | -                     | -                     | -                    | -                     | -                    | -                    | -                    | -                    | -                    |
|                             | <b>29.485.452</b>   | <b>1.803.898.302</b> | <b>15.515.078.196</b> | <b>15.515.078.196</b> | <b>15.002.448.133</b> | <b>1.157.416.916</b> | <b>15.002.448.133</b> | <b>1.157.416.916</b> | <b>3.444.459.829</b> | <b>3.444.459.829</b> | <b>3.444.459.829</b> | <b>3.444.459.829</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|  | 31/12/2023           | 01/01/2023           |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| <b>a) Ngắn hạn</b>   |                      |                      |
| - Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành tạm thời hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé                                      | 1.833.575.000        | -                    |
| - Sửa chữa cải tạo mặt cầu và lan can cầu máng K25+255 kênh Tây  | 898.500.000          | -                    |
| - Sửa chữa mặt ngoài và các phòng tầng 2,3 khu B, một phần tầng 4 khu A và hàng rào khuôn viên trụ sở Công ty TNHH MTV KTTL Miền Nam | 890.547.000          | -                    |
| - Sơn sửa nhà vận hành công số 1, cống dẫn dòng, nhà trực và hàng rào bảo vệ chi nhánh Dầu Tiếng - Phước Hòa                         | 879.497.000          | -                    |
| - Sửa chữa khuôn viên nhà điều hành Chi nhánh Dầu Tiếng - Phước Hòa  | 852.263.000          | -                    |
| - Sửa chữa cửa van Cống điều tiết K34+354 kênh Chính Đông  | 757.210.000          | -                    |
| - Xử lý thấm K11+000 Kênh Đông   | -                    | 1.251.605.000        |
| - Quan trắc mực nước động  | -                    | 436.200.000          |
| - Sửa chữa nhà trực tràn xả lũ   | -                    | 257.077.000          |
| - Chi phí phải trả khác  | 1.237.655.000        | -                    |
|  | <b>7.349.247.000</b> | <b>1.944.882.000</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>  | -                    | -                    |

**12 . PHẢI TRẢ KHÁC**

|  | 31/12/2023           | 01/01/2023         |
|--|----------------------|--------------------|
|  | VND                  | VND                |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                           |                      |                    |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác            | 2.614.468.795        | -                  |
| - Công ty TNHH Trương Xuân Liêm              | 189.952.000          | 86.868.000         |
| - Công ty TNHH XD Thủy bộ Hoà Bình           | 153.639.000          | 84.272.000         |
| - Công ty TNHH MTV XD &PT Hạ tầng Mạnh Quang | 128.273.000          | -                  |
| - Công ty CP XD Tân Hoàng Minh               | 109.950.000          | -                  |
| - Công ty TNHH Tâm An -TECHCONS              | -                    | 82.583.000         |
| - Công ty TNHH TV PTCN Hợp Phát              | -                    | 62.503.000         |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác          | 2.032.654.795        | 270.726.195        |
|  | <b>2.614.468.795</b> | <b>586.952.195</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                            |                      |                    |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn               | 300.000.000          | 300.000.000        |
|  | <b>300.000.000</b>   | <b>300.000.000</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**

Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu<br>VND | Quỹ đầu tư phát triển<br>VND | Lợi nhuận chưa phân phối<br>VND | Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản<br>VND | Cộng<br>VND              |
|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------------------|---|--------------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước</b>      | <b>2.927.551.116.601</b>         | <b>753.891.519</b>           | -                               | <b>1.751.000.000</b>                    | <b>2.930.056.008.120</b> |
| Tăng vốn trong năm trước        | 566.186.422.000                  | -                            | -                               | 939.927.329.685                         | 1.506.113.751.685        |
| Lãi/lỗ trong năm trước          | -                                | -                            | 2.547.828.328                   | -                                       | 2.547.828.328            |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | -                                | -                            | (57.814.300)                    | -                                       | (57.814.300)             |
| Giảm khác                       | -                                | -                            | -                               | -                                       | -                        |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>     | <b>3.493.737.538.601</b>         | <b>753.891.519</b>           | <b>2.490.014.028</b>            | <b>941.678.329.685</b>                  | <b>4.438.659.773.833</b> |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>        | <b>3.493.737.538.601</b>         | <b>753.891.519</b>           | <b>2.490.014.028</b>            | <b>941.678.329.685</b>                  | <b>4.438.659.773.833</b> |
| Tăng vốn trong năm này          | 2.499.824.475.900                | -                            | -                               | -                                       | 2.499.824.475.900        |
| Lãi/lỗ trong năm này            | -                                | -                            | 14.952.665.440                  | -                                       | 14.952.665.440           |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | -                                | -                            | (103.881.100)                   | -                                       | (103.881.100)            |
| Giảm khác                       | -                                | -                            | (2.490.014.028)                 | -                                       | (2.490.014.028)          |
| <b>Số dư cuối năm này</b>       | <b>5.993.562.014.501</b>         | <b>753.891.519</b>           | <b>14.848.784.340</b>           | <b>941.678.329.685</b>                  | <b>6.950.843.020.045</b> |

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                         | Cuối năm                 | Tỷ lệ       | Đầu năm                  | Tỷ lệ       |
|-------------------------|--------------------------|-------------|--------------------------|-------------|
| Vốn đầu tư của nhà nước | 5.993.562.014.501        | 100%        | 3.493.737.538.601        | 100%        |
|                         | <b>5.993.562.014.501</b> | <b>100%</b> | <b>3.493.737.538.601</b> | <b>100%</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

|                                      | Năm 2023               | Năm 2022               |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                      | VND                    | VND                    |
| Doanh thu hoạt động công ích         | 76.424.322.720         | 49.017.127.100         |
| Doanh thu khai thác dịch vụ thủy lợi | 77.809.140.079         | 73.630.714.624         |
|                                      | <b>154.233.462.799</b> | <b>122.647.841.724</b> |

**15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                           | Năm 2023               | Năm 2022              |
|---------------------------|------------------------|-----------------------|
|                           | VND                    | VND                   |
| Giá vốn bộ phận thủy nông | 108.006.588.689        | 76.063.902.780        |
|                           | <b>108.006.588.689</b> | <b>76.063.902.780</b> |

**16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                           | Năm 2023           | Năm 2022           |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
|                           | VND                | VND                |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 553.039.917        | 166.368.494        |
|                           | <b>553.039.917</b> | <b>166.368.494</b> |

**17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                  | Năm 2023              | Năm 2022              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.826.760.478         | 3.438.015.448         |
| Chi phí nhân viên quản lý        | 17.130.510.534        | 15.340.263.795        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.289.932.092         | 1.388.676.259         |
| Thuế, phí, lệ phí                | 225.390.183           | 11.575.369.605        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 956.917.438           | 1.457.071.862         |
| Chi phí khoản khác               | 6.658.076.410         | 5.648.077.405         |
|                                  | <b>28.087.587.135</b> | <b>38.847.474.374</b> |

**18 . THU NHẬP KHÁC**

|                                | Năm 2023          | Năm 2022           |
|--------------------------------|-------------------|--------------------|
|                                | VND               | VND                |
| Thu nhập từ thanh lý vật tư    | 17.454.545        | 36.363.636         |
| Thu hồi vật tư thừa do kiểm kê | -                 | 130.211.538        |
| Thu nhập khác                  | -                 | 9.069.742          |
|                                | <b>17.454.545</b> | <b>175.644.916</b> |

**19 . CHI PHÍ KHÁC**

|              | Năm 2023          | Năm 2022             |
|--------------|-------------------|----------------------|
|              | VND               | VND                  |
| Chi phí khác | 15.159.710        | 3.546.369.312        |
|              | <b>15.159.710</b> | <b>3.546.369.312</b> |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI MIỀN NAM**Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận  
Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|   | Năm 2023<br>VND      | Năm 2022<br>VND      |
|---|----------------------|----------------------|
| Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính   |                      |                      |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế         | 18.694.621.727       | 4.532.108.668        |
| Các khoản điều chỉnh tăng                 | 15.159.710           | 5.238.505.030        |
| - Chi phí không hợp lệ                    | 15.159.710           | 5.238.505.030        |
| Các khoản điều chỉnh giảm                 | -                    | -                    |
| - Các khoản thu nhập được miễn thuế       | -                    | -                    |
| Thu nhập tính thuế TNDN                   | 18.709.781.437       | 9.770.613.698        |
| Thuế suất thuế TNDN                       | 20%                  | 20%                  |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>3.741.956.287</b> | <b>1.954.122.740</b> |

**21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**22 . THAY ĐỔI SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Trường Thành sau khi đã điều chỉnh một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu báo cáo tài chính như sau:

| Chi tiêu   | Mã số | Số sau điều chỉnh | Số trước điều chỉnh | Chênh lệch    |
|--|-------|-------------------|---------------------|---------------|
| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>  |       |                   |                     |               |
| Phải trả người lao động  | 314   | 12.019.389.700    | 11.868.601.700      | 150.788.000   |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối  | 421   | 2.490.014.028     | 2.640.802.028       | (150.788.000) |
| <b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>  |       |                   |                     |               |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26    | 38.847.474.374    | 38.696.686.374      | 150.788.000   |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 50    | 4.532.108.668     | 4.682.896.668       | (150.788.000) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 60    | 2.547.828.328     | 2.698.616.328       | (150.788.000) |
| <b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>  |       |                   |                     |               |
| Lợi nhuận trước thuế   | 01    | 4.532.108.668     | 4.682.896.668       | (150.788.000) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | (25.850.618.697)  | (26.001.406.697)    | 150.788.000   |

Người lập



Trần Chu Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Anh